

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700805566

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.524.640.531.661	4.882.634.328.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	92.334.834.089	82.509.963.356
1. Tiền	111		75.536.065.568	31.518.565.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.798.768.521	50.991.397.669
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.300.000.000	1.300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	1.300.000.000	1.300.000.000
III. Các khoản phải thu	130		968.483.978.624	991.843.696.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	930.265.079.583	949.264.883.686
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.295.097.591	4.905.795.726
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	34.923.801.450	37.659.051.780
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	13.965.135
IV. Hàng tồn kho	140		4.315.424.302.155	3.803.610.501.376
1. Hàng tồn kho	141	V.06a	4.315.424.302.155	3.803.610.501.376
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		147.097.416.793	3.370.167.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	3.656.281.052	3.370.167.767
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		143.441.135.741	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.859.470.463.411	1.864.671.024.321
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		873.569.049.239	867.729.784.828
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	405.109.386.350	404.106.771.744
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	468.459.662.889	463.623.013.084
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		600.698.104.907	608.747.195.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	597.922.730.515	605.837.044.692
- Nguyên giá	222		867.854.654.292	867.652.954.292
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(269.931.923.777)	(261.815.909.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.775.374.392	2.910.150.817
- Nguyên giá	228		5.355.980.685	5.355.980.685
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.580.606.293)	(2.445.829.868)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	176.140.923.141	177.068.846.901
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232		(8.950.055.520)	(8.022.131.760)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		197.100.147.008	198.244.055.279
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.06b	197.100.147.008	198.244.055.279
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.816.830.605	12.730.886.343
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	11.816.830.605	12.730.886.343
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269	V.11	145.408.511	150.255.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.384.110.995.072	6.747.305.353.147
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.484.408.182.383	3.647.158.261.661
I. Nợ ngắn hạn	310		2.439.561.069.933	1.802.944.675.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	883.836.271.772	337.450.709.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.223.935.978	5.759.994.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.232.287.482	10.222.522.135
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.072.489.996	2.960.944.485
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	446.197.888.370	358.633.055.121
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	627.965.500.040	403.727.317.397
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	463.336.363.741	684.190.131.989
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.696.332.554	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.044.847.112.450	1.844.213.586.374
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	432.397.090.500	255.694.197.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	181.223.668.189	294.025.112.789
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	32.674.739.547	31.711.625.910
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	2.926.614.214	3.282.322.551

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	1.395.625.000.000	1.259.500.328.124
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.899.702.812.689	3.100.147.091.486
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.899.702.812.689	3.100.147.091.486
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.753.945.250.000	2.753.945.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.110.272.981	83.110.272.981
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.227.063.708	264.671.342.505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		4.600.959.427	230.779.522.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		59.626.104.281	33.891.820.415
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.384.110.995.072	6.747.305.353.147

Người lập biểu



BÙI THỊ THỦY

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 18 Tháng 07 Năm 2015

Tổng giám đốc



ĐỀO QUANG NGÔN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2015	Quý 2 Năm 2014	6 tháng đầu Năm 2015	6 tháng đầu Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	186.104.383.734	108.346.001.904	328.793.740.204	194.792.033.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.405.994.826	4.254.946.965	2.222.278.899	5.728.792.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	184.698.388.908	104.091.054.939	326.571.461.305	189.063.240.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	109.812.641.533	58.004.960.078	185.318.825.180	98.767.299.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		74.885.747.375	46.086.094.861	141.252.636.125	90.295.941.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	446.139.491	550.255.596	878.174.480	711.604.966
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	28.411.775.435	15.303.934.361	38.809.758.049	23.734.920.961
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.153.967.426	8.803.840.894	32.329.942.238	17.234.827.494
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.269.065.240	8.454.880.256	19.995.913.921	16.917.218.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.633.184.570	6.350.255.064	11.258.652.888	12.090.500.987
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		31.017.861.621	16.527.280.776	72.066.485.747	38.264.906.057
11. Thu nhập khác	31	VI.7	70.083.858	1.734.187.727	156.316.220	1.889.706.250
12. Chi phí khác	32	VI.8	59.015.984	2.445.181.561	134.598.379	3.850.306.607
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		11.067.874	(710.993.834)	21.717.841	(1.960.600.357)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.028.929.495	15.816.286.942	72.088.203.588	36.304.305.700
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	5.294.645.629	2.909.265.322	12.462.099.307	4.613.160.884
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.734.283.866	12.907.021.620	59.626.104.281	31.691.144.816
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		25.734.283.866	12.907.021.620	59.626.104.281	31.691.144.816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		94	47	217	116
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2015 tăng 99% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 2/2015 tổng doanh thu ghi nhận tăng 74% (doanh thu hoạt động thu phí tăng 6%, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 189%, doanh thu ghi nhận của các công ty con tăng) so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí tăng 70%, lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 96%, thuế TNDN tăng 82% do năm 2015 dự án 1 thu phí QL13 đã hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN.

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 18 Tháng 07 Năm 2015

Tổng giám đốc



ĐÓ QUANG NGÔN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.028.929.495	15.816.286.942
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.11,12,14	9.178.714.362	9.189.406.058
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(487.848.642)	(630.570.268)
- Chi phí lãi vay	06		25.153.967.426	8.803.840.894
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.873.762.641	33.178.963.626
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(125.356.756.133)	15.668.857.235
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(480.567.491.937)	(225.648.836.039)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		699.634.258.880	220.442.822.038
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		747.565.149	4.644.750.243
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(59.664.901.372)	(31.503.685.260)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.273.399.437)	(261.694.635)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		63.862.644.676	29.647.315.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.907.207.266)	(33.766.560.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		94.348.475.201	12.401.931.544
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(201.700.000)	(706.496.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		431.566.904	438.572.375
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		229.866.904	(267.924.246)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18,27	247.902.215.871	53.969.801.840
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(332.631.312.243)	(43.562.379.206)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.375.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(84.753.471.372)	10.407.422.634
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		9.824.870.733	22.541.429.932
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	V.1	82.509.963.356	33.418.877.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	92.334.834.089	55.960.307.343

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; các dịch vụ khách sạn, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hoả, kinh doanh siêu thị.

4. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước chủ yếu là do công ty triển khai bán dự án IJC Vĩnh Tân nên doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản tăng đồng thời doanh thu ghi nhận của công ty con tăng so với cùng kỳ năm trước.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty mẹ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ bao gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	1.103.890.279	841.182.715
Tiền gửi ngân hàng	74.400.375.964	30.586.203.347
Tiền đang chuyển	31.799.325	91.179.625
Các khoản tương đương tiền (*)	16.798.768.521	50.991.397.669
Cộng	<u>92.334.834.089</u>	<u>82.509.963.356</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	<u>1.300.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng phố thương mại IJC2	9.556.635.400	9.166.760.400
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô 5B	54.154.465.504	54.477.065.504
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	145.429.525.456	145.891.609.881
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	46.254.797.000	46.717.067.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	102.197.600.893	102.317.875.902
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	4.112.500.000	
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - Trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô D2-VĐ4	1.005.145.224	1.005.145.224
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh Tân	314.183.637.425	335.346.214.965
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	73.859.983.474	70.591.196.914
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	164.856.019.950	164.856.019.950

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng khác	14.296.326.979	14.424.985.668
Cộng (1)	<u>930.265.079.583</u>	<u>949.264.883.686</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	161.882.205.171	173.099.264.171
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	51.461.085.000	50.998.815.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	92.355.419.073	100.078.416.573
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	62.017.576.900	70.104.635.700
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh Tân	27.567.459.906	-
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	9.825.640.300	9.825.640.300
Cộng (2)	<u>405.109.386.350</u>	<u>404.106.771.744</u>
Cộng phải thu của khách hàng {(1)+(2)}	<u>1.335.374.465.933</u>	<u>1.353.371.655.430</u>
c. Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	53.061.762.386	50.025.211.528
Công ty cổ phần phát triển đô thị Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông	163.758.663.850	163.758.663.850
	148.906.355	96.657.000
Cộng	<u>163.758.663.850</u>	<u>213.880.532.378</u>
4. Trả trước cho người bán		
Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước.		
5. Phải thu khác		
a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi tiền gửi dự thu	7.143.555	-
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	621.950.000
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	112.665.917	1.927.797.072
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	15.710.322	15.710.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	525.126.713	519.185.577
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án	30.000.000.000	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên		
Các khoản phải thu khác	460.332.586	1.374.411.738
Tạm ứng công tác	1.118.781.357	1.195.906.071
Tạm ứng để đặt cọc môi giới bất động sản	2.004.091.000	2.004.091.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	58.000.000	-
Cộng (1)	<u>34.923.801.450</u>	<u>37.659.051.780</u>

b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên – tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (*)	468.062.499.749	463.225.849.944
Ký quỹ, ký cược	397.163.140	397.163.140
Cộng (2)	<u>468.459.662.889</u>	<u>463.623.013.084</u>
Cộng Phải thu khác {(1)+(2)}	<u>503.383.464.339</u>	<u>502.173.195.730</u>

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m², có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

c. Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	498.062.499.749	493.225.849.944
Cộng	<u>498.062.499.749</u>	<u>493.225.849.944</u>

6. Hàng tồn kho

a. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	31.853.467	-
Nguyên liệu, vật liệu	539.870.364	474.750.476
Công cụ, dụng cụ	3.043.169.404	2.192.233.132
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	4.287.838.510.719	3.777.074.477.767
Hàng hóa bất động sản	21.316.992.974	21.280.086.974
Hàng hóa	2.419.434.002	2.588.953.027
Hàng gửi bán	234.471.225	-
Cộng	<u>4.315.424.302.155</u>	<u>3.803.610.501.376</u>

⁽¹⁾ Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 30 tháng 06 kỳ 2015 là 2.144.489.715.518VND (số dư đầu kỳ là 2.146.983.874.978 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương.

b. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn:

Chủ yếu là chi phí dở dang của dự án chung cư IJC Aroma và giá trị quyền sử dụng đất dự án Rosemary

7. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí quảng cáo	2.650.270.925	2.252.452.743
Chi phí khác	1.006.010.127	1.117.715.024
Cộng (1)	<u>3.656.281.052</u>	<u>3.370.167.767</u>

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	5.490.262.018	6.659.391.305
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	2.842.130.711	2.439.352.686
Thiết bị thu phí tự động	3.484.437.876	3.632.142.352
Cộng (2)	<u>11.816.830.605</u>	<u>12.730.886.343</u>
Cộng chi phí trả trước {(1)+(2)}	<u>15.473.111.657</u>	<u>16.101.054.110</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	832.368.871.974	2.148.913.560	5.370.336.408	27.764.832.350	867.652.954.292
Mua trong kỳ	-	201.700.000	-	-	201.700.000
Số cuối kỳ	<u>832.368.871.974</u>	<u>2.350.613.560</u>	<u>5.370.336.408</u>	<u>27.764.832.350</u>	<u>867.854.654.292</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.299.226.395	267.209.795	1.854.641.217	10.977.753.146	14.398.830.553
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	240.138.142.787	1.294.820.959	3.684.645.125	16.698.300.729	261.815.909.600
Khấu hao trong kỳ	7.320.727.040	72.012.611	134.179.696	589.094.830	8.116.014.177
Số cuối kỳ	<u>247.458.869.827</u>	<u>1.366.833.570</u>	<u>3.818.824.821</u>	<u>17.287.395.559</u>	<u>269.931.923.777</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	592.230.729.187	854.092.601	1.685.691.283	11.066.531.621	605.837.044.692
Số cuối kỳ	<u>584.910.002.147</u>	<u>983.779.990</u>	<u>1.551.511.587</u>	<u>10.477.436.791</u>	<u>597.922.730.515</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 763.842.254.567 VND và 525.913.892.113 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	5.355.980.685	2.445.829.868	2.910.150.817
Mua trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		134.776.425	
Số cuối kỳ	5.355.980.685	2.580.606.293	2.775.374.392
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		1.650.394.021	

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	185.090.978.661	8.022.131.760	177.068.846.901
Tăng trong kỳ	-		
Khấu hao trong kỳ		927.923.760	
Số cuối kỳ	185.090.978.661	8.950.055.520	176.140.923.141

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	3.275.844.863	4.258.537.345
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.223.503.484	5.378.190.797

11. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	193.878.013	(43.622.552)	150.255.461
Phân bổ trong kỳ	-	(4.846.950)	-
Số cuối kỳ	193.878.013	48.469.502	145.408.511

12. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	881.091.944.163	334.126.722.588
Các nhà cung cấp khác	2.744.327.609	3.323.987.031
Cộng (1)	883.836.271.772	337.450.709.619

b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	432.397.090.500	255.694.197.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cộng (1)	432.397.090.500	255.694.197.000
Cộng Phải trả người bán {(1)+(2)}	1.316.233.362.272	593.144.906.619

c. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp	1.313.489.034.663	
- TNHH một thành viên		589.820.919.588
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	-	688.995.000
Cộng	1.313.489.034.663	590.509.914.588

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	707.350.000	493.600.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000
Dự án chung cư IJC Aroma	1.574.536.000	1.574.536.000
Dự án The Green River	560.137.500	560.137.500
Khách hàng trang trí nội thất	712.359.000	712.359.000
Dự án Khu dân cư IJC Vĩnh Tân	94.400.000	112.200.000
Khách hàng khác	880.153.478	1.612.162.041
Cộng	5.223.935.978	5.759.994.541

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.042.280.978	2.271.282.006	(5.313.562.984)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.171.143.678	5.304.276.765	(7.273.399.437)	5.202.021.006
Thuế thu nhập cá nhân	8.769.649	132.946.301	(111.449.474)	30.266.476
Các loại thuế khác (*)	327.830	580.950.712	(581.278.542)	-
Cộng	10.222.522.135	8.289.455.784	(13.279.690.437)	5.232.287.482

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất Không chịu thuế
- Các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm thứ 04 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.028.929.495	15.816.286.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.019.269.950	1.452.201.307
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập tính thuế	32.048.199.445	17.268.488.249
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí	33.459.142.000	30.951.922.568
- Hoạt động kinh doanh khác	(1.410.942.555)	(13.683.434.319)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo dự tính	7.050.603.876	3.799.067.415
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	(1.755.958.247)	(889.802.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.294.645.629	2.909.265.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	9.631.136	(93.735.474)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.304.276.765	2.815.529.848

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty mẹ phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2015 còn phải trả.

16. Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma	73.985.252.589	34.199.822.829
Trích trước giá vốn shop Aroma	16.365.920.695	16.365.920.695

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC2	229.804.274	229.804.274
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	65.623.805.733	65.623.805.733
Chi phí lãi vay	34.446.726.043	36.277.777.784
Chi phí tiếp thị, môi giới	2.596.363.636	3.456.243.031
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	155.360.002
Lãi chậm trả cổ tức cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	36.814.729.767	33.556.921.758
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	210.165.263.080	131.353.289.385
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	2.504.764.091	30.452.114.091
Chi phí khác	3.309.898.460	6.961.995.539
Cộng (1)	<u>446.197.888.370</u>	<u>358.633.055.121</u>
b. Chi phí phải trả dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma	20.809.876.401	61.494.867.724
Trích trước giá vốn shop Aroma	4.255.070.630	4.255.070.630
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án The Green River	-	66.245.118.261
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	100.556.300.911	106.427.635.927
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Prince Town	55.602.420.247	55.602.420.247
Cộng (2)	<u>181.223.668.189</u>	<u>294.025.112.789</u>
Cộng chi phí phải trả {(1)+(2)}	<u>627.421.556.559</u>	<u>652.658.167.910</u>
17. Phải trả khác		
a. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	379.776.842	170.887.550
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.990.327.721	30.817.603.746
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	1.293.276.176	1.353.032.015
Cổ tức phải trả	542.051.969.700	322.720.724.700
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	7.861.193.483	7.752.228.359
Phí bảo trì chung cư New Horizon	410.414.603	529.735.639
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	202.797.427	196.845.087
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	32.918.485.173	30.659.603.799
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công	3.334.239.477	3.135.605.877

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
ngành - TNHH một thành viên		
Thù lao Hội đồng quản trị	-	682.000.000
Các khoản phải trả khác	2.505.703.278	4.691.734.465
Cộng	<u>627.965.500.040</u>	<u>403.727.317.397</u>

b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	140.514.787.145	138.279.507.753
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	122.821.576.596	45.910.624.236
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả ^(b)	200.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	<u>463.336.363.741</u>	<u>684.190.131.989</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.

^(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.

- Ngày phát hành : ngày 01 tháng 6 năm 2010 và ngày 27 tháng 12 năm 2010.
- Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 6 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2015.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3,5%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m².

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	138.279.507.753	27.902.215.871	-	25.666.936.479	140.514.787.145
Vay dài hạn đến hạn trả	45.910.624.236	-	83.875.328.124	6.964.375.764	122.821.576.596
Trái phiếu dài	500.000.000.000	-	-	300.000.000.000	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn đến hạn trả	Số tiền vay phát		Số tiền vay kết	Số tiền vay đã	Số cuối kỳ
	Số đầu kỳ	sinh trong kỳ	chuyển trong kỳ	trả trong kỳ	
Cộng	684.190.131.989	27.902.215.871	83.875.328.124	332.631.312.243	463.336.363.741

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	395.625.000.000	259.500.328.124
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương ^(a)	25.000.000.000	27.750.328.124
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ^(b)	105.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ^(c)	93.125.000.000	111.750.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển - Chi nhánh Bình Dương ^(d)	120.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Bình Dương ^(e)	52.500.000.000	-
Cộng	395.625.000.000	259.500.328.124

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m² theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Đông Đô Đại Phố. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m² theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m² theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m² theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 40.947m² theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án khu dân cư Hòa Lợi-IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 28.221m² theo hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015.

c. Trái phiếu phát hành

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trái phiếu thường ^(a)	600.000.000.000	600.000.000.000
Trái phiếu thường ^(b)	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

- (a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.

- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
- Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- (b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.

- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 kỳ trở xuống	Trên 01 kỳ đến 05 kỳ	Trên 05 kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	518.446.576.596	122.821.576.596	395.625.000.000	-
Trái phiếu	1.200.000.000.000	200.000.000.000	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.718.446.576.596	322.821.576.596	1.395.625.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	259.500.328.124	220.000.000.000	83.875.328.124	395.625.000.000
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Cộng	1.259.500.328.124	220.000.000.000	83.875.328.124	1.395.625.000.000

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	891.130.866	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.822.942.663	4.821.057.938
Chi quỹ trong kỳ	(4.017.740.975)	(2.955.714.119)
Số cuối kỳ	3.696.332.554	1.865.343.819

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	29.062.954.551	28.578.477.278
Dự án Prince Town	478.636.364	-
Dự án Khu đô thị IJC	3.133.148.632	3.133.148.632
Cộng	32.674.739.547	31.711.625.910

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	230.779.522.090	3.066.255.271.071
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.891.820.415	33.891.820.415
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	264.671.342.505	3.100.147.091.486
Số dư đầu kỳ này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	264.671.342.505	3.100.147.091.486
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.734.283.866	25.734.283.866
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	(6.822.942.663)	(6.822.942.663)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức	-	-	-	(219.355.620.000)	(219.355.620.000)
Số dư cuối kỳ	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	64.227.063.708	2.899.702.812.689

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	24.375.000	-
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	24.375.000	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	186.104.383.734	108.346.001.904
- Doanh thu bán vé cầu đường	52.811.764.626	49.871.886.118
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	108.343.478.947	41.287.868.946
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	3.275.844.863	4.258.537.345
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.572.189.039	10.251.272.626
- Doanh thu thuần hàng hóa siêu thị	1.101.106.259	2.676.436.869
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.405.994.826)	(4.254.946.965)
- Giảm giá hàng bán	(1.361.748.637)	(100.000.005)
- Hàng bán bị trả lại	(44.246.189)	(4.154.946.960)
Doanh thu thuần	184.698.388.908	104.091.054.939
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán vé cầu đường	52.811.764.626	49.871.886.118
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	106.967.912.128	37.032.921.981
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	3.275.844.863	4.258.537.345
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.572.189.039	10.251.272.626

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần hàng hóa siêu thị	1.070.678.252	2.676.436.869
Doanh thu đối với các bên liên quan		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm Trước</u>
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một Thành Viên	6.242.571.365	338.201.166
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông	338.201.166	498.965.809
Công ty CP Phát Triển Đô Thị	-	1.295.455
Cộng	<u>6.580.772.531</u>	<u>838.462.430</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	11.410.523.850	10.531.051.162
Giá vốn kinh doanh bất động sản	78.422.611.662	31.873.466.325
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.223.503.484	5.378.190.797
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.219.238.098	7.636.812.639
Giá vốn của hàng hóa siêu thị đã tiêu thụ	2.536.764.439	2.585.439.155
Cộng	<u>109.812.641.533</u>	<u>58.004.960.078</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	365.030.904	509.478.675
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.108.587	40.776.921
Cộng	<u>446.139.491</u>	<u>550.255.596</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	25.153.967.426	8.803.840.894
Tiền lãi cổ tức chậm trả	3.257.808.009	6.500.093.467
Cộng	<u>28.411.775.435</u>	<u>15.303.934.361</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí bán hàng:		
Chi phí cho nhân viên	3.782.530.962	4.218.622.353
Chi phí nguyên vật liệu	-	1.558.072.269
Chi phí hoa hồng môi giới	3.683.918.255	870.133.721
Các chi phí bán hàng khác:		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.774.426	118.671.564
Chi phí nguyên vật liệu	875.085.844	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.158.098	135.587.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.968.840	149.221.103

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	1.219.628.815	1.404.571.662
Cộng	10.269.065.240	8.454.880.256
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí quản lý		
Chi phí cho nhân viên	3.457.835.475	2.802.049.080
Các chi phí quản lý khác:		
Chi phí nguyên vật liệu	111.508.938	166.560.808
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	244.150.658	582.879.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.942.275	213.809.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.221.843.780	454.096.226
Chi phí khác	372.903.444	2.130.859.974
Cộng	5.633.184.570	6.350.255.064
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bồi thường	23.856.364	46.821.819
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		314.486.699
Thu từ nhượng bán tài sản, CCDC		1.028.500.000
Thu nhập khác	46.227.494	344.379.209
Cộng	70.083.858	1.734.187.727
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng của các căn hộ Aroma thanh lý	-	1.385.973.057
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	10.040.000	99.916.728
Chi phí nhượng bán tài sản, CCDC	-	895.141.618
Chi phí khác	48.975.984	64.150.158
Cộng	59.015.984	2.445.181.561
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.734.283.866	12.907.021.620
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.734.283.866	12.907.021.620
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	274.194.525	274.194.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	94	47

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.244.428.219	7.658.324.025
Chi phí nhân công	11.695.748.886	10.366.283.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.178.714.362	9.189.406.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.117.367.155	10.687.616.784
Chi phí khác	6.410.229.320	4.120.777.343
Cộng	<u>46.646.487.942</u>	<u>42.022.408.044</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư chưa thanh toán	212.502.144.271	212.502.144.271
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	234.677.500	261.340.394
Tiền thưởng	104.892.500	84.513.000
Cộng	<u>339.570.000</u>	<u>345.853.394</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Trường đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	4.836.649.805	5.121.491.081
Cổ tức phải trả	172.852.804.800	129.639.603.600
Lãi cổ tức phải trả	3.257.808.009	6.500.093.467
Tiền điện thấp sáng 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	-	3.020.930.184
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBD	-	222.285.245.185
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince Town	10.888.880	17.568.400
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Aroma	91.909	2.142.628
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư áp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	76.120.825.465	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án TĐC Hòa lợi theo hợp đồng 68/HĐNT	142.674.953.976	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án KDC Hòa lợi theo hợp đồng 59/HĐNT	437.724.752.727	-
Cung cấp dịch vụ nhà hàng	1.234.675.797	
Cung cấp dịch vụ khách sạn	621.426.973	
Cung cấp dịch vụ quản lý	3.769.423.473	
Cung cấp hàng hóa siêu thị, vé máy bay, tiền điện	541.343.764	
Chi phí thuê mặt bằng		126.000.000
Chi phí điện tại khách sạn		842.654.195
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	1.563.043.438	
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng	-	161.090.019
Cung cấp dịch vụ	-	23.508.181
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng	3.882.432	140.891.500

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải thu tiền mua căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	43.776.708.000	43.776.708.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	468.062.499.749	459.663.662.617
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu tiền cung cấp giàn phơi đồ và trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ ăn uống, khách sạn	5.890.061.250	1.348.715.602
Phải thu tiền vé máy bay	96.523.400	31.549.000
Phải thu tiền bán hàng hóa siêu thị	61.144.900	1.875.929.649
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	163.758.663.850	163.758.663.850
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ khách sạn	96.657.000	74.583.869
Cộng nợ phải thu	<u>707.264.050.622</u>	<u>700.888.254.865</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư áp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	112.146.507.000	29.314.692.000
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư áp 4 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu dân cư River Garden theo hợp đồng 405/HĐKT	93.859.078.500	93.859.078.500
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	5.879.472.600	5.879.472.600
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBĐ	226.379.505.000	226.379.505.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự Sunflower mở rộng theo hợp đồng 158/DTMBĐ	8.000.000	8.000.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng	4.000.000	4.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Phố thương mại Prince Town mở rộng theo hợp đồng 159/DTMBD		
Phải trả tiền Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án TĐC Hòa lợi theo hợp đồng 68/HĐNT	156.700.000.000	-
Phải trả tiền Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án KDC Hòa lợi theo hợp đồng 59/HĐNT	480.000.000.000	-
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng 5 tầng Becamex Tower theo hợp đồng 01/IDC-BT/2010	192.234.897.479	192.234.897.479
Phải trả tiền điện thấp sáng 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	577.288.619	577.288.619
Phải trả tiền quyết toán khối lượng thi công hệ thống thoát nước QL13-HĐ 413/2007QL13	25.040.872.374	25.040.872.374
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	32.918.485.173	21.238.822.512
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	3.334.239.477	1.338.332.622
Cổ tức phải trả	495.053.591.000	322.200.786.200
Lãi cổ tức phải trả	36.814.729.767	30.334.913.956
Phải trả tiền mua tài sản cố định Trung tâm thương mại	11.805.121.757	11.805.121.757
Phải trả tiền mua công cụ, dụng cụ Trung tâm thương mại	2.752.722.502	2.752.722.502
Tiền điện phải trả	5.945.054.945	-
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản - Dự án City Garden	-	688.995.000
Cộng nợ phải trả	<u>1.882.470.882.353</u>	<u>964.674.817.281</u>
2. Chi phí lãi vay vốn hoá		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá	32.732.659.987	10.054.715.356
Tổng chi phí lãi vay	<u>57.886.627.413</u>	<u>18.858.556.250</u>
Tỷ lệ vốn hóa	57%	53%
3. Thông tin về bộ phận		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
 - Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
 - Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex Tower.
 - Lĩnh vực khác: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vé máy bay, siêu thị.
- Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 33 đến trang 35

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	233.640.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
Cộng	-	233.640.000

Tập đoàn thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 năm đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 01 năm trở xuống	83.200.000	164.470.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
Trên 05 năm	-	-
Cộng	83.200.000	164.470.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 12.129.469.229 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Kỳ này Công ty đã điều chỉnh số liệu do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh kỳ trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã		Số liệu sau điều chỉnh
		CBTT quý 1	Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán				
Hàng tồn kho	141	4.001.854.556.655	(198.244.055.279)	3.803.610.501.376
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	198.244.055.279	198.244.055.279

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn hay	Chưa quá	Đã quá hạn nhưng	Đã quá hạn	Cộng
	chưa bị giảm giá	hạn nhưng bị giảm giá	không giảm giá	và/hoặc bị giảm giá	
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.334.834.089	-	-	-	92.334.834.089

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.025.886.887.575	-	309.487.578.358	-	1.335.374.465.933
Các khoản phải thu khác	515.200.294.944	-	-	-	515.200.294.944
Cộng	1.634.722.016.608	-	309.487.578.358	-	1.944.209.594.966
Số đầu kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.509.963.356	-	-	-	82.509.963.356
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.109.603.574.462	-	243.768.080.968	-	1.353.371.655.430
Các khoản phải thu khác	514.012.951.207	-	-	-	514.904.082.073
Cộng	1.707.426.489.025	-	243.768.080.968	-	1.951.194.569.993

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quá hạn dưới 06 tháng	117.340.624.131	71.395.540.143
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	48.591.912.548	45.305.415.678
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	60.867.426.110	48.466.172.038
Quá hạn trên 02 năm đến trên 03 năm	44.207.786.169	40.882.527.709
Quá hạn trên 03 năm	38.479.829.400	37.718.425.400
Cộng	309.487.578.358	243.768.080.968

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	883.836.271.772	432.397.090.500	-	1.316.233.362.272
Vay và nợ	486.532.415.793	2.035.139.986.111	-	2.521.672.401.904

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Các khoản phải trả khác	1.259.459.546.595	2.926.614.214	-	1.262.386.160.809
Cộng	2.629.828.234.160	2.470.463.690.825	-	5.100.291.924.985
Số đầu kỳ				
Phải trả người bán	337.450.709.619	255.694.197.000	-	593.144.906.619
Vay và nợ	720.452.619.109	1.907.452.740.103	-	2.627.905.359.212
Các khoản phải trả khác	1.059.346.429.792	3.282.322.551	-	1.062.628.752.343
Cộng	2.117.249.758.520	2.166.429.259.654	-	4.283.679.018.174

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 3 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay và nợ	(1.858.961.363.741)	(1.943.690.460.113)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(1.857.661.363.741)	(1.942.390.460.113)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 28.717.456.485 VND (năm trước giảm/tăng 9.391.960.349 VND).

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 03 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.334.834.089	-	82.509.963.356	-	92.334.834.089	82.509.963.356
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.335.374.465.933	-	1.353.371.655.430	-	1.335.374.465.933	1.353.371.655.430
Các khoản phải thu khác	515.200.294.944	-	514.904.082.073	-	515.200.294.944	514.904.082.073
Cộng	1.944.209.594.966	-	1.951.194.569.993	-	1.944.209.594.966	1.951.194.569.993

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Vay và nợ	1.858.961.363.741	1.943.690.460.113	1.858.961.363.741
Phải trả người bán	1.316.233.362.272	593.144.906.619	1.316.233.362.272	593.144.906.619
Các khoản phải trả khác	1.262.386.160.809	1.062.628.752.343	1.262.386.160.809	1.062.628.752.343
Cộng	4.437.580.886.822	3.599.464.119.075	4.437.580.886.822	3.599.464.119.075

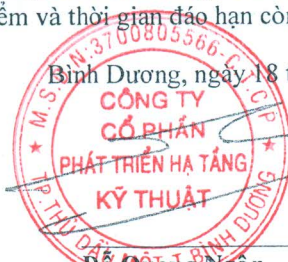
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Bùi Thị Thùy
Người lập biểu

Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đỗ Quang Ngọn
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn:

	<u>Hoạt động bán vé cầu đường</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.811.764.626	106.967.912.128	3.275.844.863	21.642.867.291	-	184.698.388.908
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.811.764.626	106.967.912.128	3.275.844.863	21.642.867.291	-	184.698.388.908
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.678.089.137	(6.485.864.036)	(1.299.955.737)	3.679.452.766	-	30.571.722.130
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						30.571.722.130
Doanh thu hoạt động tài chính						446.139.491
Chi phí tài chính						-
Thu nhập khác						70.083.858
Chi phí khác						(59.015.984)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.294.645.629)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						25.734.283.866
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.330.185.160	25.097.241	49.674.922	771.976.135	-	2.176.933.458
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.433.172.985	413.247.030	722.101.457	2.340.844.286	-	11.909.365.758
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

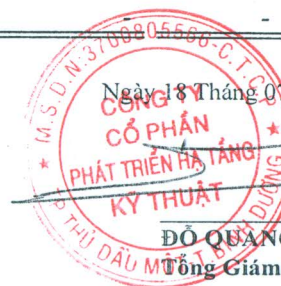
	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.871.886.118	37.032.921.981	4.415.661.224	12.770.585.616	-	104.091.054.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.871.886.118	37.032.921.981	4.415.661.224	12.770.585.616	-	104.091.054.939
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.132.539.692	(599.989.593)	(1.368.736.729)	1.117.146.171	-	31.280.959.541
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						31.280.959.541
Doanh thu hoạt động tài chính						550.255.596
Chi phí tài chính						(15.303.934.361)
Thu nhập khác						1.734.187.727
Chi phí khác						(2.445.181.561)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(2.909.265.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						12.907.021.620
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.186.415.400	10.466.848	1.248.026	524.540.155	-	1.722.670.430
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.929.841.071	671.008.652	1.018.037.395	1.953.827.973	-	12.572.715.091
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



BÙI THỊ THỦY
Người lập biểu



TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



Ngày 18 Tháng 07 Năm 2015

ĐỖ QUANG NGÔN
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động bán vé cầu đường</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản</u>	<u>Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	550.973.527.629	5.970.239.440.944	183.050.407.880	528.688.841.974	-	7.232.952.218.427
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						151.158.776.645
Tổng tài sản						7.384.110.995.072
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	58.112.448.970	3.471.460.757.606	207.993.827.784	39.204.630.487	-	3.776.771.664.847
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						707.636.517.536
Tổng nợ phải trả						4.484.408.182.383
Số đầu kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	557.832.498.932	5.334.050.466.103	212.159.935.679	512.295.246.804	-	6.616.338.147.518
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						130.967.205.629
Tổng tài sản						6.747.305.353.147
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.240.872.374	2.642.259.586.444	193.521.531.185	167.678.494.889	-	3.028.700.484.892
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						618.457.776.769
Tổng nợ phải trả						3.647.158.261.661

BÙI THỊ THÙY
Người lập biểu

TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



Ngày 18 Tháng 07 Năm 2015

ĐỖ QUANG NGÔN
Tổng Giám đốc